**Tuần4 - Tiết 7**

**NGÀY SOẠN: 21/9/ 2022**

**BÀI 4: LIÊN HỆ PHÉP CHIA VÀ PHÉP KHAI PHƯƠNG (tiết 2)**

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

**1. Ổn định lớp***(1phút)*

**2. Kiểm tra bài cũ** *(7 phút)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| - GV : Yêu cầu 2 HS lên bảng trả lời câu hỏi và làm bài tập  1,Phát biểu qui tắc khai phương một thương ? Viết CTTQ ?  2,Chữa bài 28(a; c)  - GV : Nhận xét và đánh giá bài làm của HS sau đó nhắc lại kiến thức đã học | | 1,Học sinh tự phát biểu nội dung các quy tắc  2,Công thức TQ: A; B lµ 2 biÓu thøc kh«ng ©m ta cã  =  (A; B > 0)  3,Bài 28(a; c)  a, c,  HS2:  1,Phát biểu qui tắc chia các căn bậc hai ? Viết CTTQ ?  2,Chữa bài 29(a; c)  *Trả lời*:  1,Học sinh tự phát biểu nội dung các quy tắc  2,Công thức TQ: A; B lµ 2 biÓu thøc kh«ng ©m ta cã  (A; B > 0)    3,Bài 29(a; c)  a,  c, |
| **3. Bài mới***(35 phút)*  **Hoạt động 1: Dạng 1-Thực hiện phép tính** *(10 phút)* | | |
| ? Hãy nêu cách giải phần a  ? Nhận xét gì về tử và mẫu của biểu thức lấy dấu căn  - GV khắc sâu lại cách làm dạng toán này bằng cách vận dụng các qui tắc khai phương một tích, một thương | | *1.Bài tập 32a,d* (SGK/19)  a,  -HS vận dụng qui tắc khai phương 1 tích sau khi đổi hỗn số => phân số và lại tiếp tục áp dụng quy tắc khai phương một thương  -HS lên bảng trình bày  =  =..=  b,  -HS: Tử và mẫu là hiệu của các bình phương  =  =  = |
| **Hoạt động 2: Dạng 2 - Giải phương trình** *(13 phút)* | | |
| ? Muốn giải phương trình trên ta làm như thế nào  - GV gợi ý để HS có thể biến đổi giải phương trình  ? Muốn làm phần b ta làm như thế nào  Gợi ý:  + Áp dông qui t¾c khai ph­¬ng mét tÝch ®Ó ®­a vÒ c¸c c¨n thøc ®ång d¹ng  + Thu gän c¸c c¨n thøc ®ång d¹ng vµ ®­a vÒ d¹ng ax = b  - GV kh¾c s©u c¸ch gi¶i ph­¬ng tr×nh trªn lµ ta ph¶i biÕn ®æi ®Ó xuÊt hiÖn c¸c c¨n thøc ®ång d¹ng => thu gän => GPT.  - GV gîi ý: ¸p dông h»ng ®¼ng thøc  - GV cho HS th¶o luËn vµ ®¹i diÖn 1 HS tr×nh bµy b¶ng.  - GV nh¾c l¹i c¸ch gi¶i c¸c d¹ng ph­¬ng tr×nh ®· ch÷a. | | *2.Bài tập33(a,b)*(SGK/19):Giải phương trình  -HS: Chuyển vế biến đổi => tìm x  a, .x - = 0  . x =  x = :  x =  x = 5  VËy ph­¬ng tr×nh cã nghiÖm x = 5.  b, .x + =  .x + =  .x + =  .x = -  .x = 4  x = 4  VËy ph­¬ng tr×nh cã nghiÖm x = 4  c,  (bæ sung c©u nµy)      VËy pt cã 2 nghiÖm x1 =12; x2= -6. |
| **Hoạt động 3: Dạng 3- Rút gọn biểu thức** *( 8 phút)* | | |
| - GV nêu nội dung bài tập này.  ? Muốn rút gọn biểu thức ta làm như thế nào  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm  - GV phân mỗi bàn làm một nhóm  - Nhóm trưởng phân nhiệm vụ cho các thành viên  - Đại diện các nhóm lên bảng trình bày  - GV(HS) nhận xét bài làm của các nhóm và khắc sâu lại các qui tắc và hằng đẳng thức đã áp dụng | | *3.Bài tập 34a,c* (SGK/19)  a,  ( Với a < 0; b)  Ta có:  =  (Vì a < 0 nên )  c,  ( Với a; b <0)  Ta có:  =    (Vì a=>; mà b < 0 ) |
| **Hoạt động 4: Củng cố** *(4 phút)* | | |
| - GV đưa ra bảng phụ ghi nội dung bài 36 (Sgk-20)  - Tiếp tục cho HS làm việc theo nhóm bài tập này  - GV phân mỗi bàn là một nhóm  - GV yêu cầu HS giải thích rõ ràng từng câu  - GV cần thu bài làm của một vài nhóm và nhận xét  - Cho HS đổi bài để chấm chéo  - Qua bài tập trên GV khắc sâu lại những kiến thức cơ bản về CBH số học đã học | *4.Bài tập 36* (SGK/20)  Mỗi khẳng định sau đúng hay sai ? Vì sao ?  a, 0,01 =  Đúng vì . (0,01)2 = 0,0001  b, - 0,5 = Sai vì  không có nghĩa.  c, < 7 và  > 6  Đúng vì  <  = 7 và  >  = 6 d,  Đúng vì  nên bất đẳng thức không đổi chiều.  -HS suy nghĩ và trả lời | |

**4.Hướng dẫn về nhà** *(2 phút)*

- Làm bài 32 (b, c); 33 (a,d); 34 (b,d); 35 (b); 37 (Sgk- 20)

\* ) Gợi ý bài 37: (Sgk - 20)

|  |  |
| --- | --- |
| GV đưa bảng phụ ghi nội dung bài toán và hình vẽ Tacó:  MN =  Tương tự ta cũng tính được  MN = MQ =NP = PQ =  => MNPQ là hình thoi.  Mà MP = NQ =  => MNPQ là hình vuông.  - Đọc trước bài 5: Bảng căn bậc hai; tiết sau mang bảng số với 4 chữ số thập phân và máy tính bỏ túi để tính toán; eke ; tấm bìa cứng hình chữ L. |  |

**Tuần4 - Tiết 8**

**NGÀY SOẠN: 21/9/ 2022**

|  |
| --- |
| **CHỦ ĐỀ: BIẾN ĐỔI ĐƠN GIẢN**  **BIỂU THỨC CHỨA CĂN THỨC BẬC HAI** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết được cơ sở của việc đưa thừa số ra ngoài hay vào trong dấu căn

- Học sinh biết được cách khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn thức ở mẫu

- Củng cố vững chắc phép đưa thừa số vào trong dấu căn, phép đưa thừa số ra ngoài dấu căn

- Củng cố cho HS các kiến thức về biến đổi đơn giản biểu thức có chứa căn thức bậc hai, đưa thừa số ra ngoài dấu căn, đưa thừa số vào trong dấu căn bậc hai, khử mẫu và trục căn thức ở mẫu của biểu thức lấy căn .

- Học sinh biết áp dụng kiến thức đó để rút gọn biểu thức, giải phương trình, so sánh, chứng minh đẳng thức, …

**2. Kĩ năng:**

- Nắm được kĩ năng đưa 1 thừa số vào trong dấu căn hay đưa 1 thừa số ra ngoài dấu căn và vận dụng các phép biến đổi trên cơ sở đó áp dụng vào so sánh 2 số hay rút gọn biểu thức .

- Có kĩ năng phối hợp thành thạo các phép biến đổi đơn giản căn bậc hai

- Rèn luyện tư duy linh hoạt chính xác trong quả trình vận dụng các phép biến đổi căn bậc hai

- Rèn luyện kĩ năng tính toán trình bày của h/s.

*-* Học sinh tích cực, chủ động

**3. Thái độ:**

- Tích cựa tham gia xây dựng bài, lòng say mê môn học

**4. Phát triển năng lực:**

- Phát triển năng lực tự học, Giải quyết vấn đề của học sinh..

**II. CHUẨN BỊ**

**1. GV**

- Thiết bị dạy học: Bảng phụ, thước thẳng

- Học liệu: SGK, Sách Bài tập trắc nghiệm.

**2. HS**

- Chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học: SGK, SBT, thước kẻ, Bảng nhóm.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp***(1phút)*

**2. Kiểm tra bài cũ** *(4 phút)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** | |
| - GV : Yêu cầu 2 HS lên bảng trả lời câu hỏi và làm bài tập  - GV : Nhận xét và đánh giá bài làm của HS sau đó nhắc lại kiến thức đã học | HS1: Giải bài tập 41/SGK hai phần đầu tiên  *Kết quả*:    HS2: Giải bài tập 42/SGK  *Kết quả*: | |
| **3. Bài mới***(39 phút)*  **Hoạt động 1: Đưa thừa số ra ngoài dấu căn** *(18 phút)* | | |
| - Yêu cầu HS thảo luận chứng minh ?1  ? Để c/m ?1 ta làm như thế nào  - GV gợi ý dùng quy tắc khai phương của tích và hằng đẳng thức  ? Đọc VD1 và áp dụng  tính  ;  .  ? Gọi 2 HS lên bảng trình bày lời giải  ? HS tiếp tục thảo luận đọc VD2  - GV hướng dẫn lời giải và cách trình bày VD2  HS theo dõi, ghi bài  ? Em có nhận xét gì về các biểu thức 3, 2,  có phải là các căn thức đồng dạng không  - GV giới thiệu khái niệm căn đồng dạng  ? HS áp dụng VD2 làm ?2  - Gọi đại diện 2 HS lên bảng trình bày  - GV và HS dưới lớp nhận xét, sửa sai  - GV : Ta đã xét các biểu thức với trong căn là một số.  ? Nếu trong căn là 1 biểu thức thì ta làm như thế nào  - GV giới thiệu tổng quát (bảng phụ Yêu cầu HS đọc lại tổng quát  - Một HS đứng tại chỗ thực hiện, GV ghi bảng  ? Áp dông lµm ?3  - Gäi 2 HS lªn b¶ng tr×nh bµy lêi gi¶i  - HS d­íi líp nhËn xÐt kÕt qu¶. | ?1 Với a 0, b0 hãy chứng tỏ    -HS nêu cách chứng minh  GV nhận xét và giới thiệu khái niệm đưa thừa số ra ngoài căn và một số chú ý khác như SGK  Giải:  Ta có:  (vì a 0, b0)  Vậy  *\*Ví dụ 1:*      *\*Ví dụ 2*: Rút gọn biểu thức .    =  =  =  =  Các biểu thức  được gọi là đồng dạng với nhau  ?2 Rút gọn:  a, =  = =  b,  =  =  =  *Một cách tổng quát:*  Với A ; B là 2 biểu thức và B  Ta có:  Hoặc:+) Nếu A ; B  +) NếuA< 0 ; B  -HS thảo luận đọc VD3  *\*Ví dụ 3*:  Đưa thừa số ra ngoài dấu căn.  a,  (x ; y )  Ta có: == = 2x  ( vì x ; y )  b,  (x ; y <0 )  Ta có == =-3y  ( vì x ; y < 0 )  ?3 Đưa thừa số ra ngoài dấu căn.  a,  (b )  Ta có: == 2  = 2 ( vì b )  b,  (a < 0 )  Ta có: ==  = - 6ab2 ( v× a < 0 ) | |
| **Hoạt động 2: Đưa thừa số vào trong dấu căn***(16 phút)* | | |
| ? Em hiểu thế nào là đưa thừa số vào trong dấu căn  ? Viết CTTQ của phép biến đổi này  - GV nhận xét và viết lại dưới dạng CTTQ  - GV yêu cầu HS giải thích từng phần của ví dụ 4 và lưu ý cho HS trong từng trường hợp  ? Áp dụng VD4, HS thảo luận làm ?4  - Sau 2 phút đại diên các nhóm trình bày lời giải trên bảng  ? Nhận xét bài làm của bạn  - GV chú ý trong trường hợp đưa số  dương, đưa số âm vào trong dấu căn  - GV nêu tác dụng của việc đưa thừa số vào trong hay ra ngoài dấu căn là:  + So sánh các số  + Tính giá trị gần đúng của các biểu thức và nêu ví dụ 5 (Sgk/ 26)  ? Để so sánh 3và  ta lµm như thế nào  ? Ai cã c¸ch lµm kh¸c kh«ng  - GV l­u ý c¸c c¸ch so s¸nh ®Ó HS vËn dông vµo lµm bµi tËp. | * Tæng qu¸t:   +) Nếu A ; B  +) Nếu A <0 ; B  -HS: Phép đưa thừa số vào trong dấu căn chính là phép biến đổi ngược của phép đưa thừa số ra ngoài dấu căn  -HS suy nghĩ nêu cách viết CTTQ  -HS thảo luận đọc VD 4  *\*VÝ dô 4:* §­a thõa sè vµo trong dÊu c¨n.  a, = =  b, = = -  c,  = =  (víi a  0)  d, = - =-  (víi ab  0 )  ?4 §­a thõa sè vµo trong dÊu c¨n.  a, = =  b, = = =  c,  (víi a )  = =  d, -= -=-  *\*Ví dụ5:* So s¸nh 3vµ  Gi¶i:  +) C¸ch1: Đ­a thõa sè vµo trong dÊu c¨n ®Ó so s¸nh  Ta cã 3= =  Mµ 28 < 63 < < 3  +) C¸ch 2: Đ­a thõa sè ra ngoµi dÊu c¨n ®Ó so s¸nh  Ta cã= = 2  Mµ 2 < 3  <3 | |
| **Hoạt động 3: Củng cố** *(5 phút)* | | |
| - GV yêu cầu 3 h/s trình bày 3 phần tương ứng  - GV nhắc lại các CTTQ | | *Bài 44* (Sgk/27) Đưa thừa số vào trong dấu căn  - ; -;  Giải :  -  = -  -=-    = |

**4. Hướng dẫn về nhà** *(1 phút)*

- Học thuộc cách đưa 1 thừa số ra ngoài hay vào trong dấu căn bậc hai

- Làm bài 43; 45; 46; 47 (Sgk -27)

- Ôn tập các kiến thức cơ bản về căn bậc hai đã học.

**Thụy Trường, ngày.......tháng......năm 2022**

**Kí duyệt của tổ chuyên môn**